

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MỠ

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lưu Ngọc Mai Phi	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2015

Số: 122 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 26 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 30. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 26 tháng 8 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		729.676.448.865	674.324.250.697
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	193.012.693.269	188.495.115.029
1. Tiền	111		12.607.599.363	4.823.569.352
2. Các khoản tương đương tiền	112		180.405.093.906	183.671.545.677
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		243.446.567.196	257.384.941.666
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	243.446.567.196	257.384.941.666
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		239.589.078.399	174.978.631.118
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	182.009.784.338	133.772.053.697
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.669.623.686	8.928.059.770
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		8.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	63.244.447.054	48.453.262.395
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(17.334.776.679)	(16.174.744.744)
IV. Hàng tồn kho	140		50.155.500.978	49.891.297.717
1. Hàng tồn kho	141	10	50.155.500.978	49.891.297.717
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.472.609.023	3.574.265.167
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	92.492.678
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	11	3.472.609.023	3.481.772.489
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		893.920.884.027	919.122.365.440
I. Tài sản cố định	220		514.850.246.476	583.118.277.396
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	496.199.847.415	564.171.292.815
- Nguyên giá	222		2.180.384.962.974	2.178.807.123.918
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.684.185.115.559)	(1.614.635.831.103)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	18.650.399.061	18.946.984.581
- Nguyên giá	228		22.600.843.910	22.600.843.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.950.444.849)	(3.653.859.329)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		225.618.840.869	167.194.104.018
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	225.618.840.869	167.194.104.018
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		149.664.710.062	167.609.315.885
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	12.953.538.710	8.498.144.533
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	150.680.000.000	152.080.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(13.968.828.648)	(13.968.828.648)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	21.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.787.086.620	1.200.668.141
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		124.541.893	124.541.893
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.076.126.248	1.076.126.248
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.586.418.479	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.623.597.332.892	1.593.446.616.137

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất.


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)


Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015


MẪU B 01a-DN/HN

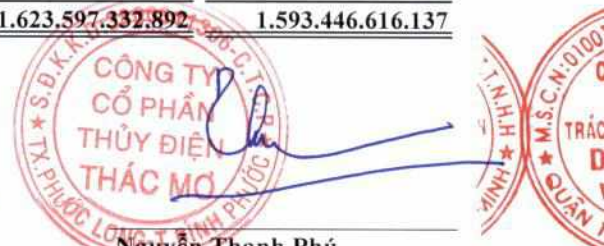
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		608.726.180.540	527.326.640.516
I. Nợ ngắn hạn	310		229.608.970.822	181.880.036.628
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		27.484.286.596	22.872.163.965
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.438.000	96.954.862
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	33.647.452.234	43.580.650.677
4. Phải trả người lao động	314		16.394.641.847	28.525.610.377
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	5.295.929.008	13.254.735.845
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	21.735.886.593	21.064.769.588
7. Vay ngắn hạn	320	18	96.929.318.858	44.348.186.150
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	11.838.098.122	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.264.919.564	8.136.965.164
II. Nợ dài hạn	330		379.117.209.718	345.446.603.888
1. Vay dài hạn	338	20	371.964.090.969	343.376.404.038
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		45.561.600	45.561.600
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.024.638.250	2.024.638.250
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		5.082.918.899	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.014.871.152.352	1.066.119.975.621
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.014.871.152.352	1.066.119.975.621
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		56.454.368.091	56.454.368.091
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	(170.802.403)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		71.796.710.583	29.226.057.428
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		149.916.309.024	245.211.093.878
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		18.658.462.458	245.211.093.878
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		131.257.846.566	-
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	22	36.703.764.654	35.399.258.627
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.623.597.332.892	1.593.446.616.137


Hồ Nguyễn Phương Trâm
Người lập biểu


Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 8 năm 2015



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 02a-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	334.418.212.520	333.288.586.727
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		334.418.212.520	333.288.586.727
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	141.889.190.612	181.588.236.694
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		192.529.021.908	151.700.350.033
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	13.301.449.652	14.088.534.427
6. Chi phí tài chính	22	28	13.421.345.831	23.529.205.175
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.421.345.831</i>	<i>20.287.013.628</i>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	23.383.994.770	27.256.992.099
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		169.025.130.959	115.002.687.186
9. Thu nhập khác	31		5.454.546	472.045.455
10. Chi phí khác	32		2.500.000	938.335.471
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		2.954.546	(466.290.016)
12. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	45		113.683.425	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		169.141.768.930	114.536.397.170
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	36.464.228.951	24.226.149.178
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		132.677.539.979	90.310.247.992
Phân bổ cho:				
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	61		1.419.693.413	2.293.093.386
- Cổ đông của công ty mẹ	62		131.257.846.566	88.017.154.606
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.875	1.185

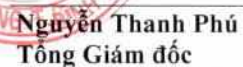


Hồ Nguyễn Phương Trâm
 Người lập biểu



Huỳnh Văn Khánh
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Thanh Phú
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 03a-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015	
		đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	169.141.768.930	114.536.397.170
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	69.797.938.158	72.744.043.543
Các khoản dự phòng	03	11.838.098.122	16.054.028.714
Lãi từ tiền gửi	05	(13.415.133.077)	(14.513.433.100)
Chi phí lãi vay	06	13.421.345.831	20.287.013.628
3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	250.784.017.964	209.108.049.955
Tăng các khoản phải thu	09	(59.928.029.812)	(169.536.454.140)
Tăng hàng tồn kho	10	(264.203.261)	(2.611.654.353)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(2.821.590.059)	52.371.426.980
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước và tài sản khác	12	(1.916.822.335)	198.830.908
Tiền lãi vay đã trả	13	(21.380.152.668)	(14.946.995.701)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(48.550.196.094)	(12.238.231.111)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.740.119.600)	(4.134.721.049)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	114.182.904.135	58.210.251.489
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(58.527.118.687)	(20.813.443.078)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	472.045.455
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	34.938.374.470	35.700.000.000
4. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.000.000.000)	(2.400.000.000)
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	8.051.092.183	12.330.568.574
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.537.652.034)	25.289.170.951
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	251.287.667.675	257.079.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(170.118.848.036)	(275.179.000.000)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(173.296.493.500)	(1.198.900.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(92.127.673.861)	(19.298.900.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	4.517.578.240	64.200.522.040
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	188.495.115.029	212.873.059.571
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	193.012.693.269	277.073.581.611

Hồ Nguyễn Phương Trâm
Người lập biểu

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4403000108 ngày 01 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3800311306 đã đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16 tháng 3 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần, trong đó:

- Tổng Công ty Phát điện 2-Công ty TNHH MTV- Cổ đông Nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18 tháng 6 năm 2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08 tháng 6 năm 2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 194 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 194 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện; mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỏ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp; kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ, đường thủy; cho thuê phương tiện giao thông; kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, du lịch.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Cấu trúc doanh nghiệp***Các công ty con:*

- Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa

Các công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải vay, các khoản trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế tài chính công ty, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	08 - 15
Phương tiện vận tải	10 - 20
Thiết bị, văn phòng	05 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, thương hiệu và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thương hiệu Cosevco do Tổng công ty Xây dựng Miền Trung góp vốn và phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí trong thời gian lần lượt là 5 năm và 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Công ty được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tài nguyên, hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên và Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 về việc ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động. Trong đó, bên liên quan của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất gồm các công ty liên kết của Công ty, Tập đoàn Điện lực Việt Nam cùng các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	1.344.685.936	1.891.729.074
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.262.913.427	2.931.840.278
Các khoản tương đương tiền	180.405.093.906	183.671.545.677
	<u>193.012.693.269</u>	<u>188.495.115.029</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời hạn không quá 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 12 đến 13 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 6% đến 7% một năm. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền gửi nêu trên có thời hạn còn lại đến khi đáo hạn dưới 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty không có các khoản đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b. Đầu tư góp vốn dài hạn vào các đơn vị khác

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Cơ điện Đồng Nai	1.100.000.000	-	1.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ				
Thủy điện Thác Mơ	-	-	1.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	149.580.000.000	(13.968.828.648)	149.580.000.000	(13.968.828.648)
	150.680.000.000	(13.968.828.648)	152.080.000.000	(13.968.828.648)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Mua bán điện (Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	176.273.711.036	127.598.712.997
Các khoản phải thu khách hàng khác	5.736.073.302	6.173.340.700
	182.009.784.338	133.772.053.697

Trong đó, các khoản phải thu với khách hàng là các bên liên quan:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Mua bán điện (Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	176.273.711.036	127.598.712.997
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	4.145.880.023	4.459.036.033
	180.419.591.059	132.057.749.030

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trá hộ Ban quản lý Dự án Thủy điện Thác Mơ mở rộng	28.330.486.379	19.963.104.346
Phải thu Công ty Cổ phần thủy điện Sêrêpôk (*)	10.749.260.242	10.749.260.242
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	10.459.294.957	5.208.937.488
Tạm ứng	2.441.126.907	567.940.000
Tài sản chờ xử lý (**)	8.070.760.171	8.070.760.171
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1.218.000.000	1.421.000.000
Phải thu khác	1.975.518.398	2.472.260.148
	63.244.447.054	48.453.262.395

(*) Theo nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk ngày 14 tháng 11 năm 2012, đơn vị này sẽ giải thể và thanh lý tài sản. Các khoản góp vốn sẽ được hoàn trả cho cổ đông góp vốn.

(**) Đây là các khoản công nợ phải thu tồn đọng từ trước giai đoạn cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa nhưng đến nay vẫn chưa thu hồi được.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. NỢ QUÁ HẠN**

	30/6/2015			31/12/2014		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị lập dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị lập dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk	10.749.260.242	-	10.749.260.242	10.749.260.242	-	10.749.260.242
Tài sản chờ xử lý (Thuyết minh số 8)	8.070.760.171	2.030.535.032	6.040.225.139	8.070.760.171	4.033.873.919	4.036.886.252
Các đối tượng khác	941.922.881	396.631.583	545.291.298	2.093.784.020	705.185.770	1.388.598.250
	19.761.943.294	2.427.166.615	17.334.776.679	20.913.804.433	4.739.059.689	16.174.744.744

10. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	45.128.512.404	46.737.014.322
Công cụ, dụng cụ	130.667.066	98.797.723
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.896.321.508	3.055.485.672
	50.155.500.978	49.891.297.717

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải thu/nộp trong kỳ	Số đã thực thu/nộp trong kỳ	30/6/2015
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	3.481.772.489	5.342.394.553	5.351.558.019	3.472.609.023
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	2.914.730.164	31.214.443.548	29.341.421.248	4.787.752.464
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.980.886.010	36.464.228.951	48.547.696.094	19.897.418.867
Thuế thu nhập cá nhân	20.574.808	2.719.506.642	2.324.150.886	415.930.564
Thuế tài nguyên	2.538.987.295	24.427.228.495	22.853.624.051	4.112.591.739
Phí dịch vụ môi trường rừng	6.125.472.400	7.699.771.280	9.391.485.080	4.433.758.600
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	52.278.480	52.278.480	-
Thuế môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-
	43.580.650.677	102.585.457.396	112.518.655.839	33.647.452.234

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	1.445.725.685.529	604.148.637.552	118.511.576.960	10.421.223.877	2.178.807.123.918
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.577.839.056	-	-	-	1.577.839.056
Tại ngày 30/6/2015	1.447.303.524.585	604.148.637.552	118.511.576.960	10.421.223.877	2.180.384.962.974
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	897.758.169.923	597.145.974.243	110.505.069.918	9.226.617.019	1.614.635.831.103
Khấu hao trong kỳ	64.776.893.441	678.110.160	3.935.943.577	158.337.278	69.549.284.456
Tại ngày 30/6/2015	962.535.063.364	597.824.084.403	114.441.013.495	9.384.954.297	1.684.185.115.559
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2015	484.768.461.221	6.324.553.149	4.070.563.465	1.036.269.580	496.199.847.415
Tại ngày 31/12/2014	547.967.515.606	7.002.663.309	8.006.507.042	1.194.606.858	564.171.292.815

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 796.072.503.828 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 603.932.525.753 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 488.365.133.755 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 533.561.766.788 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015 và ngày 30/6/2015	20.531.643.910	2.000.000.000	69.200.000	22.600.843.910
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	1.584.659.329	2.000.000.000	69.200.000	3.653.859.329
Khấu hao trong kỳ	296.585.520	-	-	296.585.520
Tại ngày 30/6/2015	1.881.244.849	2.000.000.000	69.200.000	3.950.444.849
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2015	18.650.399.061	-	-	18.650.399.061
Tại ngày 31/12/2014	18.946.984.581	-	-	18.946.984.581

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Dự án Thủy điện Đại Nga	225.618.840.869	167.194.104.018

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	11.800.000.000	8.400.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	1.153.538.710	98.144.533
	12.953.538.710	8.498.144.533

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình	Bình Thuận	20%	20%	Phong điện - đang xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai Thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ	Bình Phước	35%	35%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Chi phí phải trả ngắn hạn là chi phí lãi vay trích trước tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Kinh phí công đoàn	32.853.982	34.462.896
Bảo hiểm xã hội	4.077.613	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	17.881.629.213	16.178.122.713
Các khoản phải trả khác	1.181.878.917	1.037.437.638
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Miền Trung	2.635.446.868	2.635.446.868
Lãi vay phải trả	-	1.179.299.473
	21.735.886.593	21.064.769.588

18. VAY NGẮN HẠN

	30/6/2015 Giá trị VND	Trong kỳ		31/12/2014 Giá trị VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn (*)	60.000.000.000	198.770.661.886	146.118.848.036	7.348.186.150
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	36.929.318.858	23.929.318.858	24.000.000.000	37.000.000.000
	96.929.318.858	222.699.980.744	170.118.848.036	44.348.186.150

(*) Khoản vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 từ Hợp đồng tín dụng số 150085/2015/HĐTDHM/NHCT504-THACMO ký ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 150050/2015/HĐTDHM/NHCT504-THACMO ký ngày 15 tháng 4 năm 2015 với hạn mức tín dụng được cấp là 30.000.000.000 đồng từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Bình Phước với mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn duy trì hạn mức không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Như trình bày tại Thuyết minh số 31, Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.***19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Dự phòng chi phí sửa chữa tài sản cố định	8.882.311.122	-
Khác	2.955.787.000	-
	<u>11.838.098.122</u>	<u>-</u>

Các khoản dự phòng chi phí sửa chữa tài sản cố định là ước tính chính xác nhất của Ban Tổng Giám đốc về chi phí sửa chữa tài sản cố định có tính chu kỳ, phát sinh trong năm tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

20. VAY DÀI HẠN

	30/6/2015		Trong kỳ		31/12/2014	
	Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị	
	VND		VND	VND	VND	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước ⁽¹⁾	270.079.000.000		-	13.000.000.000		283.079.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt ⁽²⁾	9.929.318.858		-	11.000.000.000		20.929.318.858
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ⁽³⁾	128.885.090.969	52.517.005.789		-		76.368.085.180
Tổng cộng	<u>408.893.409.827</u>	<u>52.517.005.789</u>	<u>24.000.000.000</u>	<u>380.376.404.038</u>		
Trong đó:						
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> <i>(Thuyết minh số 18)</i>	(36.929.318.858)	(23.929.318.858)	(24.000.000.000)	(37.000.000.000)		
Tổng cộng	<u>371.964.090.969</u>	<u>28.587.686.931</u>	<u>-</u>	<u>343.376.404.038</u>		

(1) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước theo:

- Hợp đồng tín dụng số 14420023/2014 - HĐDTDDDA/NHCT504-THACMO ngày 10 tháng 4 năm 2014 với mục đích trả nợ vay cho Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi vay được điều chỉnh và thanh toán 03 tháng một lần, nợ gốc được thanh toán 06 tháng 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bởi nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị.

- Hợp đồng tín dụng số 14570015/2014-HĐTDDDA/NHCT504-DAKROSA ngày 29 tháng 10 năm 2014, mục đích vay để thanh toán khoản vay đầu tư nhà máy thủy điện Đăkrosa 2 cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt. Thời hạn vay của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay này là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, vốn tự có (toàn bộ giá trị công trình Thủy điện Đăkrosa 2) và cầm cố nguồn thu bán điện hình thành trong tương lai.

(2) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - chi nhánh Gia Lai cùng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo:

- Hợp đồng tín dụng số 89/HĐTĐ ngày 05/01/2004, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng dự án công trình Thủy điện Đăkrosa, thời hạn vay 12 năm, trả lãi sau theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Gia Lai công bố. Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay này là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, vốn tự có (toàn bộ giá trị công trình Thủy điện Đăkrosa 2) và cầm cố nguồn thu bán điện hình thành trong tương lai.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MỜ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
 Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- (3) Khoản vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP.HCM theo hợp đồng tín dụng số 015/2014/HDTD/CIB-HCM ngày 26 tháng 6 năm 2014 với hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất vay tương ứng với từng thời điểm nhận nợ và sẽ được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần.

Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư dự án sản xuất điện năng “Xây dựng Nhà máy Thủy điện Đại Nga – công suất 10MW. Sản lượng điện sản xuất bình quân 44,25 triệu KWH” và tái tài trợ máy móc thiết bị phục vụ Dự án Thủy điện Đại Nga. Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay này là toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án “Nhà máy Thủy điện Đại Nga” và các quyền tài sản phát sinh từ dự án địa phận xã Lộc Nga, huyện bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cùng với toàn bộ các khoản phải thu trong tương lai cho đến khi Công ty tắt toán khoản vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	27.000.000.000	37.000.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	183.172.547.968	177.339.744.411
Sau năm năm	198.720.861.859	166.036.659.627
	408.893.409.827	380.376.404.038
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 18 phần Vay ngắn hạn)	36.929.318.858	37.000.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	371.964.090.969	343.376.404.038

Như trình bày tại Thuyết minh số 31, Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn góp của chủ sở hữu**

	30/6/2015	31/12/2014
Được phép phát hành và đã góp đủ vốn		
Số lượng (cổ phần)	70.000.000	70.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu	30/6/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tên cổ đông	30/6/2015		31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV	363.415.000.000	51,92	363.415.000.000	51,92
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	276.614.400.000	39,52	273.151.100.000	39,02
Khác	59.970.600.000	8,56	63.433.900.000	9,06
	700.000.000.000	100	700.000.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09a-DN/HN

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	700.000.000.000	56.454.368.091	24.298.260.652	(170.802.403)	156.605.005.332	35.835.256.767	973.022.088.439							
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	239.326.648.655	2.866.169.527	242.192.818.182							
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.927.796.776	-	(4.927.796.776)	-	-							
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.442.763.333)	(241.641.667)	(5.684.405.000)							
Chia cổ tức cho chủ sở hữu	-	-	-	-	(140.000.000.000)	(3.060.526.000)	(143.060.526.000)							
Giảm khác	-	-	-	-	(350.000.000)	-	(350.000.000)							
Số dư tại ngày 31/12/2014	700.000.000.000	56.454.368.091	29.226.057.428	(170.802.403)	245.211.093.878	35.399.258.627	1.066.119.975.621							
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	131.257.846.566	1.419.693.413	132.677.539.979							
Phân phối lợi nhuận	-	-	42.530.077.797	-	(42.530.077.797)	-	-							
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(10.102.885.896)	(115.187.386)	(10.218.073.282)							
Công bố chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(175.000.000.000)	-	(175.000.000.000)							
Tăng khác	-	-	-	170.802.403	179.197.597	-	350.000.000							
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	40.575.358	-	901.134.676	-	941.710.034							
Số dư tại ngày 30/06/2015	700.000.000.000	56.454.368.091	71.796.710.583	-	149.916.309.024	36.703.764.654	1.014.871.152.352							

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-TM/PC-DHĐCD ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ, Công ty đã công bố cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 với giá trị là 175.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MỜKhu 5, Phường Thác Mờ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa		
Vốn điều lệ của Công ty con	79.539.690.000	79.539.690.000
Trong đó:		
Vốn sở hữu bởi Công ty mẹ	48.934.430.000	48.934.430.000
Vốn sở hữu bởi cổ đông không kiểm soát	30.605.260.000	30.605.260.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	38,48%	38,48%
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên		
Vốn điều lệ của Công ty con	137.500.000.000	137.500.000.000
Trong đó:		
Vốn sở hữu bởi Công ty mẹ	137.390.000.000	137.390.000.000
Vốn sở hữu bởi cổ đông không kiểm soát	110.000.000	110.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	0,08%	0,08%
	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tổng tài sản	448.616.324.131	402.766.906.078
Tổng nợ phải trả	(215.697.251.639)	(173.240.968.568)
Tài sản thuần	232.919.072.492	229.525.937.510
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	217.039.690.000	217.039.690.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(170.945.915)
Các quỹ khác	1.636.676.379	936.676.379
Lợi nhuận chưa phân phối	14.242.706.113	11.720.517.046
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	36.703.764.654	35.399.258.627
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	30.605.260.000	30.605.260.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(143.512)
Các quỹ khác	629.793.070	360.414.078
Lợi nhuận chưa phân phối	5.468.711.584	4.433.728.061
	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trong kỳ của các công ty con	3.689.431.947	5.959.492.687
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con	1.419.693.413	2.293.093.386

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Doanh thu bán điện	331.137.232.437	332.492.562.531
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.280.980.083	796.024.196
	<u>334.418.212.520</u>	<u>333.288.586.727</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn sản xuất điện	139.878.717.543	181.212.452.071
Giá vốn dịch vụ cung cấp	2.010.473.069	375.784.623
	<u>141.889.190.612</u>	<u>181.588.236.694</u>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.734.094.443	2.508.410.946
Chi phí nhân công	19.247.087.528	24.613.036.377
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.797.938.158	72.744.043.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.112.045.018	1.334.522.070
Chi phí sửa chữa lớn	22.667.033.852	58.537.395.868
Chi phí khác	47.714.986.383	49.107.819.989
	<u>165.273.185.382</u>	<u>208.845.228.793</u>

27. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi	<u>13.301.449.652</u>	<u>14.088.534.427</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 VND	Từ 01/01/2014 VND
Lãi vay	13.421.345.831	20.287.013.628
Dự phòng đầu tư dài hạn	-	3.242.191.547
	<u>13.421.345.831</u>	<u>23.529.205.175</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nhân công	7.481.319.542	9.032.194.392
Chi phí dự phòng	1.160.031.935	12.811.837.167
Thuế, phí và lệ phí	3.009.260.015	52.893.364
Trích lập Quỹ Khoa học và Công nghệ	5.082.918.899	-
Chi phí khác	6.650.464.379	5.360.067.176
	<u>23.383.994.770</u>	<u>27.256.992.099</u>

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	169.141.768.930	114.536.397.170
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.148.373.303	1.614.444.872
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	305.066.351	1.614.444.872
<i>Điều chỉnh do ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất</i>	843.306.952	-
Thu nhập chịu thuế	170.290.142.233	116.150.842.042
Thu nhập chịu thuế suất 22%	164.347.711.051	108.344.747.506
Thu nhập chịu thuế suất 20%	70.739.744	-
Thu nhập chịu thuế suất 10%	5.871.691.438	7.806.094.536
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	36.757.813.523	24.616.453.905
Thuế Thu nhập doanh nghiệp thuế suất 22%	36.156.496.430	23.835.844.451
Thuế Thu nhập doanh nghiệp thuế suất 20%	14.147.949	780.609.454
Thuế Thu nhập doanh nghiệp thuế suất 10%	587.169.144	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(293.584.572)	(390.304.727)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>36.464.228.951</u>	<u>24.226.149.178</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa được hưởng một số ưu đãi về thuế suất và miễn giảm thuế theo quy định tại phần H của Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ như sau:

- Đối với Dự án Nhà máy Thủy điện Đăkrosa, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi có doanh thu (năm 2007).
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có doanh thu.

Theo đó Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2010, được giảm 50% số thuế phải nộp từ năm 2011 đến 2015, áp dụng mức thuế suất 10% từ năm 2016 đến năm 2021 và mức thuế suất theo quy định hiện hành từ năm 2022 trở về sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	131.257.846.566	88.017.154.606
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(5.051.443.308)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	131.257.846.566	82.965.711.298
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.875	1.185

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay ngắn hạn và dài hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 20, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, vốn khác của chủ sở hữu, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản vay	468.893.409.827	387.724.590.188
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	193.012.693.269	188.495.115.029
Nợ thuần	275.880.716.558	199.229.475.159
Vốn chủ sở hữu	978.167.387.698	1.030.720.716.994
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,28	0,19

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chỉ tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	193.012.693.269	188.495.115.029
Phải thu khách hàng và phải thu khác	225.478.327.806	165.482.631.348
Các khoản đầu tư ngắn hạn	243.446.567.196	257.384.941.666
Các khoản đầu tư dài hạn	136.711.171.352	159.111.171.352
	798.648.759.623	770.473.859.395
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	468.893.409.827	387.724.590.188
Phải trả người bán và phải trả khác	31.301.612.381	27.724.347.944
Chi phí phải trả	5.295.929.008	13.254.735.845
	505.490.951.216	428.703.673.977

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ giảm/tăng 9.377.868.197 đồng (kỳ 6 tháng năm 2014: 7.754.491.804 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo****Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các đơn vị khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải vì mục đích kinh doanh mà cho chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu đến từ các công ty trong cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Dưới 1 năm VND	Từ 2 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	193.012.693.269	-	-	193.012.693.269
Phải thu khách hàng và phải thu khác	225.478.327.806	-	-	225.478.327.806
Các khoản đầu tư ngắn hạn	243.446.567.196	-	-	243.446.567.196
Các khoản đầu tư dài hạn	-	-	136.711.171.352	136.711.171.352
	661.937.588.271	-	136.711.171.352	798.648.759.623
30/6/2015				
Các khoản vay	87.000.000.000	183.172.547.968	198.720.861.859	468.893.409.827
Phải trả người bán và phải trả khác	31.301.612.381	-	-	31.301.612.381
Chi phí phải trả	5.295.929.008	-	-	5.295.929.008
	123.597.541.389	183.172.547.968	198.720.861.859	505.490.951.216
Chênh lệch thanh khoản thuần	538.340.046.882	(183.172.547.968)	(62.009.690.507)	293.157.808.407
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	188.495.115.029	-	-	188.495.115.029
Phải thu khách hàng và phải thu khác	165.482.631.348	-	-	165.482.631.348
Các khoản đầu tư ngắn hạn	257.384.941.666	-	-	257.384.941.666
Các khoản đầu tư dài hạn	-	21.000.000.000	138.111.171.352	159.111.171.352
	611.362.688.043	21.000.000.000	138.111.171.352	770.473.859.395
31/12/2014				
Các khoản vay	44.348.186.150	177.339.744.411	166.036.659.627	387.724.590.188
Phải trả người bán và phải trả khác	27.724.347.944	-	-	27.724.347.944
Chi phí phải trả	13.254.735.845	-	-	13.254.735.845
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-	-
	85.327.269.939	177.339.744.411	166.036.659.627	428.703.673.977
Chênh lệch thanh khoản thuần	526.035.418.104	(156.339.744.411)	(27.925.488.275)	341.770.185.418

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam
 Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
 Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH MTV
 Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh
 Công ty Mua bán điện
 Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực
 Trung tâm Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện Lực Việt Nam
 Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình
 Công ty Cổ phần Đầu tư Khai Thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ

Mối quan hệ

Chủ sở hữu của Tập đoàn
 Đơn vị cùng Tập đoàn
 Chủ sở hữu
 Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
 Đơn vị cùng Tập đoàn
 Đơn vị cùng Tập đoàn
 Đơn vị cùng Tập đoàn
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Bán hàng		
Công ty Mua bán điện (Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	311.227.190.667	309.473.098.801
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	19.910.041.770	23.019.463.730
Chi phí lãi vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	4.253.755.662
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	-	6.335.038.891
Góp vốn		
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	2.000.000.000	2.400.000.000
Cổ tức đã trả		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV	90.853.750.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	69.152.600.000	-
Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	<u>372.600.000</u>	<u>372.600.000</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Ứng trước cho người bán		
Trung tâm Công nghệ thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	30.483.358
Phải thu khách hàng		
Công ty Mua bán điện (Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	176.273.711.036	127.598.712.997
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	4.145.880.023	4.459.346.033
Phải thu khác		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1.218.000.000	1.421.000.000
Phải trả		
Trung tâm Công nghệ thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	55.683.357
Chi phí lãi vay phải trả		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	<u>-</u>	<u>6.876.704.790</u>

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn trong kỳ không bao gồm số tiền 12.600.275.499 đồng (kỳ 6 tháng năm 2014: 3.040.721.319 đồng) là giá trị tài sản cố định mua sắm trong kỳ chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong kỳ đã bao gồm số tiền 11.172.750.097 đồng (kỳ 6 tháng năm 2014: 4.723.302.370 đồng) là tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong kỳ trước đã được thanh toán trong kỳ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, thông tin so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất có sự thay đổi do sự thay đổi trong chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu kỳ này, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại VND
Đầu tư dài hạn khác	173.080.000.000	(173.080.000.000)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	152.080.000.000	152.080.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	-	21.000.000.000	21.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	257.384.941.666	(257.384.941.666)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	-	257.384.941.666	257.384.941.666
Tài sản ngắn hạn khác	567.940.000	(567.940.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	47.885.322.395	567.940.000	48.453.262.395
Vay ngắn hạn (Mã số 311)	44.348.186.150	(44.348.186.150)	-
Vay ngắn hạn (Mã số 320)	-	44.348.186.150	44.348.186.150
	<u>523.266.390.211</u>	<u>-</u>	<u>523.266.390.211</u>



Hồ Nguyễn Phương Trâm
Người lập biểu



Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 8 năm 2015

